

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 19 - 8 - 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Ngọc Canh;
2. Ông Nguyễn Văn Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Trương Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Ngọc Giàu E, sinh năm 1985 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Ấp Long H, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Lê Văn L, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm Đ, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E trình bày:*

*Về hôn nhân:* Năm 2017, chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E kết hôn với anh Lê Văn L, chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 19 tháng 3 năm 2018, chị Giàu E và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị Giàu E và anh L không hợp nhau, thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị Giàu E và anh L tranh cãi mỗi

ngày, luôn bất đồng quan điểm sống. Chị Giàu E và anh L cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm và không quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên đến tháng 7 năm 2018, chị Giàu E và anh L đã sống ly thân cho đến nay, nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Nay, chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Giàu E yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 10/11/2017, hiện con còn nhỏ và đang sống cùng chị Giàu E nên chị Giàu E yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Lê Văn L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp đã triệu tập và tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn L đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Lê Văn L không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và không đến Tòa án nhân dân thị xã H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị Giàu E và anh Lê Văn L được ly hôn; về con chung: Chị Giàu E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 10/11/2017 (cháu N đang sống chung với chị Giàu E); về cấp dưỡng: Chị Giàu E không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết, chị Giàu E cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E và anh Lê Văn L đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lê Văn L được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ

lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 19 tháng 3 năm 2018, chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E và anh Lê Văn L đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long K, huyện H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân hơn 02 năm nay, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

[4] Chị Giàu E nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được; đồng thời, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo thụ lý vụ án,... nhưng anh Lê Văn L cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Giàu E. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung: Chị Giàu E xin được nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 10/11/2017, còn anh Lê Văn L cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin nuôi con của chị Giàu E, xét thấy chị Giàu E đang trực tiếp nuôi 01 người con chung tên Lê Thị Ngọc N phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và cháu Lê Thị Ngọc N dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng: Chị Giàu E là người trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Thị Ngọc N, nhưng chị Giàu E không yêu cầu anh Lê Văn L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H: Về hôn nhân: Chị Giàu E và anh Lê Văn L được ly hôn; về con chung: Chị Giàu E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 10/11/2017 (cháu N đang sống chung với chị Giàu E); về cấp dưỡng: Chị Giàu E không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết, chị Giàu E cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; về tài sản chung: Không

yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Lê Văn L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E và anh Lê Văn L được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2017.

(Cháu Lê Thị Ngọc N đang sống chung với chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E).

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0001305 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình;

Anh Lê Văn L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu E và anh Lê Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- UBND xã Long K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Trung**